BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT **HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **4098** /QĐ-HVN	*Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc nâng bậc lương, phụ cấp thâm niên vượt khung đợt 1 năm 2023

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 76/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009; Nghị định số 14/2012/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2012; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013 và Nghị định số 117/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động và Thông tư số 03/2021/TT-BNV ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

Căn cứ Quyết định số 3604/QĐ-BNN-TCCB ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phân cấp việc quyết định thực hiện chế độ tiền lương đối với Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Lương Học viện và theo đề nghị của Trưởng ban Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nâng bậc lương, phụ cấp thâm niên vượt khung đợt 1 năm 2023 đối với **140** viên chức và người lao động của Học viện có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng ban Tổ chức cán bộ, Trưởng ban Tài chính và Kế toán, Trưởng các đơn vị liên quan, viên chức và người lao động có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Bộ NN và PTNT (để b/c);
- Lưu VT, TC.LT(10)

GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Nguyễn Thị Lan

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

DANH SÁCH VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG
ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG, PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG ĐỢT 1 NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số **4098** /QĐ-HVN ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

STT	Họ đệm	Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc						Kết quả nâng bậc lương đợt 1 năm 2023						Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/ chức danh	Bậc trong ngạch/ chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/ chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau				
I	**Viên chức và người lao động được nâng bậc lương thường xuyên**																				
1	Nguyễn Thị Ngọc	Oanh		1979	Thạc sĩ	01.002	2	4.74			01/04/2020	01.002	3	5.08			01/04/2023	3	0.340	1,519,800	
2	Nguyễn Quang	Tự	1979		Thạc sĩ	01.002	2	4.74			01/04/2020	01.002	3	5.08			01/04/2023	3	0.340	1,519,800	
3	Lê Thị Bích	Liên		1978	Thạc sĩ	01.002	2	4.74			01/04/2020	01.002	3	5.08			01/04/2023	3	0.340	1,519,800	
4	Vũ Thị Thanh	Huyền		1975	Thạc sĩ	01.002	2	4.74			01/04/2020	01.002	3	5.08			01/04/2023	3	0.340	1,519,800	
5	Nguyễn Thị Phương	Đông		1988	Thạc sĩ	01.003	1	2.34			01/04/2020	01.003	2	2.67			01/04/2023	3	0.330	1,475,100	
6	Phùng Thị	Duyên		1996	Thạc sĩ	01.003	1	2.34			01/02/2020	01.003	2	2.67			01/02/2023	5	0.330	2,458,500	
7	Đỗ Thị Ngọc	ánh		1992	Đại học	01.003	1	2.34			06/01/2020	01.003	2	2.67			06/01/2023	6	0.330	2,950,200	
8	Vũ Thị Thùy	Dung	1993		Đại học	01.003	1	2.34			01/04/2020	01.003	2	2.67			01/04/2023	3	0.330	1,475,100	
9	Dương Thị	Hoa		1991	Đại học	01.003	2	2.67			01/01/2020	01.003	3	3.00			01/01/2023	6	0.330	2,950,200	
10	Nguyễn Thị	Toàn		1979	Đại học	01.003	2	2.67			01/01/2020	01.003	3	3.00			01/01/2023	6	0.330	2,950,200	
11	Đặng Tiến	Dũng	1978		Tiến sĩ	01.003	2	2.67			01/01/2020	01.003	3	3.00			01/01/2023	6	0.330	2,950,200	
12	Dương Thị	Nhung		1992	Đại học	01.003	2	2.67			01/04/2020	01.003	3	3.00			01/04/2023	3	0.330	1,475,100	
13	Nguyễn Thị	Nhâm		1985	Thạc sĩ	01.003	3	3.00			01/01/2020	01.003	4	3.33			01/01/2023	6	0.330	2,950,200	
14	Trịnh Thị	Nhâm		1990	Đại học	01.003	3	3.00			01/01/2020	01.003	4	3.33			01/01/2023	6	0.330	2,950,200	

STT	Họ đệm	Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc						Kết quả nâng bậc lương đợt 1 năm 2023						Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/ chức danh	Bậc trong ngạch/ chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/ chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau				
15	Phạm Thị Thu	Trang		1984	Thạc sĩ	01.003	3	3.00			09/01/2020	01.003	4	3.33			09/01/2023	6	0.330	2,950,200	
16	Trần Thị Phương	Lan		1987	Thạc sĩ	01.003	3	3.00			01/01/2020	01.003	4	3.33			01/01/2023	6	0.330	2,950,200	
17	Lê Thị	Soi		1987	Thạc sĩ	01.003	4	3.33			01/02/2020	01.003	5	3.66			01/02/2023	5	0.330	2,458,500	
18	Lê Thị	Hải		1987	Thạc sĩ	01.003	4	3.33			01/02/2020	01.003	5	3.66			01/02/2023	5	0.330	2,458,500	
19	Nguyễn Thị	Lịch		1978	Đại học	01.003	5	3.66			01/01/2020	01.003	6	3.99			01/01/2023	6	0.330	2,950,200	
20	Nguyễn Thị Phương	Lan		1982	Thạc sĩ	01.003	5	3.66			01/01/2020	01.003	6	3.99			01/01/2023	6	0.330	2,950,200	
21	Nguyễn Anh	Tuấn	1982		Thạc sĩ	01.003	5	3.66			01/04/2020	01.003	6	3.99			01/04/2023	3	0.330	1,475,100	
22	Nguyễn Mạnh	Thược	1971		Đại học	01.003	5	3.66			01/01/2020	01.003	6	3.99			01/01/2023	6	0.330	2,950,200	
23	Nguyễn Bình	Trung	1985		Thạc sĩ	01.003	5	3.66			01/04/2020	01.003	6	3.99			01/04/2023	3	0.330	1,475,100	
24	Nguyễn Thị Hoài	Hương		1969	Đại học	01.003	6	3.99			01/01/2020	01.003	7	4.32			01/01/2023	6	0.330	2,950,200	
25	Trần Thị Lệ	Hà		1974	Thạc sĩ	01.003	7	4.32			01/05/2020	01.003	8	4.65			01/05/2023	2	0.330	983,400	
26	Nguyễn Trọng	Trung	1978		Thạc sĩ	01.003	7	4.32			01/09/2019	01.003	8	4.65			01/03/2023	4	0.330	1,966,800	Kéo dài 06 tháng
27	Nguyễn Văn	Phơ	1979		Tiến sĩ	01.003	7	4.32			01/04/2020	01.003	8	4.65			01/04/2023	3	0.330	1,475,100	
28	Dương Thị	Ngát		1986	Đại học	01.007	6	2.55			01/01/2021	01.007	7	2.73			01/01/2023	6	0.180	1,609,200	
29	Nguyễn Đình	Phi	1971		Đại học	01.007	6	2.55			01/06/2021	01.007	7	2.73			01/06/2023	1	0.180	268,200	
30	Nguyễn Thị Hồng	Hảo		1978	Đại học	01.009	3	1.36			01/02/2021	01.009	4	1.54			01/02/2023	5	0.180	1,341,000	
31	Dương Minh	Quyết	1981			01.009	4	1.54			01/01/2021	01.009	5	1.72			01/01/2023	6	0.180	1,609,200	
32	Lê Thị	Chiên		1965		01.009	4	1.54			01/02/2021	01.009	5	1.72			01/02/2023	5	0.180	1,341,000	
33	Nguyễn Thị Phương	Thúy		1986	Đại học	01.009	4	1.54			01/06/2021	01.009	5	1.72			01/06/2023	1	0.180	268,200	
34	Bùi Thị	Dung		1973		01.009	5	1.72			01/01/2021	01.009	6	1.90			01/01/2023	6	0.180	1,609,200	

STT	Họ đệm	Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc						Kết quả nâng bậc lương đợt 1 năm 2023						Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/ chức danh	Bậc trong ngạch/ chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/ chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau				
35	Ngô Thị Hồng	Nhung		1990	Đại học	01.009	6	1.90			01/06/2021	01.009	7	2.08			01/06/2023	1	0.180	268,200	
36	Khúc Thị Thanh	Hương		1981		01.009	7	2.08			01/01/2021	01.009	8	2.26			01/01/2023	6	0.180	1,609,200	
37	Nguyễn Thị	Thúy		1973		01.009	7	2.08			01/01/2021	01.009	8	2.26			01/01/2023	6	0.180	1,609,200	
38	Trần Thị Khánh	Vân		1969		01.009	7	2.08			01/01/2021	01.009	8	2.26			01/01/2023	6	0.180	1,609,200	
39	Nguyễn Thị	Minh		1981		01.009	7	2.08			01/06/2021	01.009	8	2.26			01/06/2023	1	0.180	268,200	
40	Lương Thị	Tuyết		1988		01.009	7	2.08			01/06/2021	01.009	8	2.26			01/06/2023	1	0.180	268,200	
41	Dương Quang	Hiển	1985			01.009	7	2.08			01/06/2021	01.009	8	2.26			01/06/2023	1	0.180	268,200	
42	Lại Thành	Công	1980		Đại học	01.009	8	2.26			01/02/2021	01.009	9	2.44			01/02/2023	5	0.180	1,341,000	
43	Trương Thị	Thắng		1969	Đại học	01.009	9	2.44			01/05/2021	01.009	10	2.62			01/05/2023	2	0.180	536,400	
44	Nguyễn Đình	Thuật	1983			01.011	3	1.86			01/06/2021	01.011	4	2.04			01/06/2023	1	0.180	268,200	
45	Đinh Việt	Dũng	1972		Đại học	01.011	3	1.86			01/06/2021	01.011	4	2.04			01/06/2023	1	0.180	268,200	
46	Nguyễn Thế	Hưng	1987			01.011	5	2.22			01/02/2021	01.011	6	2.40			01/02/2023	5	0.180	1,341,000	
47	Nguyễn Thị Thanh	Tuấn		1987	Thạc sĩ	06.031	3	3.00			01/01/2020	06.031	4	3.33			01/01/2023	6	0.330	2,950,200	
48	Trần Thị Thu	Trang		1979	Đại học	06.031	6	3.99			01/01/2020	06.031	7	4.32			01/01/2023	6	0.330	2,950,200	
49	Phạm Thị	Ngọc		1992	Đại học	13.095	1	2.34			01/03/2020	13.095	2	2.67			01/03/2023	4	0.330	1,966,800	
50	Lê Thị Hồng	Hạnh		1972	Đại học	13.095	4	3.33			01/03/2020	13.095	5	3.66			01/03/2023	4	0.330	1,966,800	
51	Nguyễn Thị Thuý	Hằng		1982	Thạc sĩ	13.095	4	3.33			01/07/2019	13.095	5	3.66			01/01/2023	6	0.330	2,950,200	Kéo dài 06 tháng
52	Ngô Đăng	Truyền	1979		Thạc sĩ	13.095	6	3.99			01/05/2020	13.095	7	4.32			01/05/2023	2	0.330	983,400	
53	Vũ Thị Thuý	Hằng		1979	Thạc sĩ	13.095	7	4.32			01/01/2020	13.095	8	4.65			01/01/2023	6	0.330	2,950,200	
54	Nguyễn Thị	Huyên		1988	Thạc sĩ	V.05.02.07	3	3.00			01/01/2020	V.05.02.07	4	3.33			01/01/2023	6	0.330	2,950,200	

STT	Họ đệm	Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc						Kết quả nâng bậc lương đợt 1 năm 2023						Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/ chức danh	Bậc trong ngạch/ chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/ chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau				
55	Hoàng Văn	Quyết	1984		Đại học	V.05.02.07	3	3.00			01/01/2020	V.05.02.07	4	3.33			01/01/2023	6	0.330	2,950,200	
56	Hoàng Thị Thu	Hiền		1984	Đại học	V.05.02.07	4	3.33			01/02/2020	V.05.02.07	5	3.66			01/02/2023	5	0.330	2,458,500	
57	Trần Văn	Đương	1979		Đại học	V.05.02.08	1	1.86			01/03/2021	V.05.02.08	2	2.06			01/03/2023	4	0.200	1,192,000	
58	Đỗ Thị Đức	Hạnh		1973	Tiến sĩ	V.07.01.01	1	6.20			01/02/2020	V.07.01.01	2	6.56			01/02/2023	5	0.360	2,682,000	
59	Phạm Thị Minh	Phượng		1974	Tiến sĩ	V.07.01.01	2	6.56			24/03/2020	V.07.01.01	3	6.92			24/03/2023	4	0.360	2,145,600	
60	Nguyễn Thanh	Lâm	1968		Tiến sĩ	V.07.01.01	2	6.56			24/03/2020	V.07.01.01	3	6.92			24/03/2023	4	0.360	2,145,600	
61	Nguyễn Việt	Long	1979		Tiến sĩ	V.07.01.01	2	6.56			24/03/2020	V.07.01.01	3	6.92			24/03/2023	4	0.360	2,145,600	
62	Phạm Hồng	Thái	1966		Tiến sĩ	V.07.01.01	2	6.56			24/03/2020	V.07.01.01	3	6.92			24/03/2023	4	0.360	2,145,600	
63	Nguyễn Tuấn	Sơn	1962		Tiến sĩ	V.07.01.01	3	6.92			01/01/2020	V.07.01.01	4	7.28			01/01/2023	6	0.360	3,218,400	
64	Nguyễn Chí	Thành	1977		Thạc sĩ	V.07.01.02	1	4.40			01/05/2020	V.07.01.02	2	4.74			01/05/2023	2	0.340	1,013,200	
65	Cù Thị Thiên	Thu		1979	Tiến sĩ	V.07.01.02	2	4.74			01/04/2020	V.07.01.02	3	5.08			01/04/2023	3	0.340	1,519,800	
66	Phạm Văn	Vân	1972		Tiến sĩ	V.07.01.02	2	4.74			01/04/2020	V.07.01.02	3	5.08			01/04/2023	3	0.340	1,519,800	
67	Nguyễn Thị Hương	Giang		1980	Thạc sĩ	V.07.01.02	2	4.74			01/04/2020	V.07.01.02	3	5.08			01/04/2023	3	0.340	1,519,800	
68	Mai Lan	Phương		1979	Tiến sĩ	V.07.01.02	2	4.74			01/04/2020	V.07.01.02	3	5.08			01/04/2023	3	0.340	1,519,800	
69	Quyền Đình	Hà	1979		Tiến sĩ	V.07.01.02	2	4.74			01/04/2020	V.07.01.02	3	5.08			01/04/2023	3	0.340	1,519,800	
70	Nguyễn Tất	Thắng	1977		Tiến sĩ	V.07.01.02	2	4.74			01/04/2020	V.07.01.02	3	5.08			01/04/2023	3	0.340	1,519,800	
71	Hồ Ngọc	Ninh	1982		Tiến sĩ	V.07.01.02	2	4.74			01/04/2020	V.07.01.02	3	5.08			01/04/2023	3	0.340	1,519,800	
72	Vũ Ngọc	Huyên	1977		Tiến sĩ	V.07.01.02	2	4.74			01/04/2020	V.07.01.02	3	5.08			01/04/2023	3	0.340	1,519,800	
73	Nguyễn Đức	Huy	1977		Tiến sĩ	V.07.01.02	2	4.74			01/04/2020	V.07.01.02	3	5.08			01/04/2023	3	0.340	1,519,800	
74	Nguyễn Văn	Quân	1972		Tiến sĩ	V.07.01.02	4	5.42			01/03/2020	V.07.01.02	5	5.76			01/03/2023	4	0.340	2,026,400	

STT	Họ đệm	Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc						Kết quả nâng bậc lương đợt 1 năm 2023						Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/ chức danh	Bậc trong ngạch/ chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/ chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau				
75	Trần Lê	Thanh	1968		Tiến sĩ	V.07.01.02	4	5.42			01/03/2020	V.07.01.02	5	5.76			01/03/2023	4	0.340	2,026,400	
76	Nguyễn Thị Thu	Thủy		1964	Tiến sĩ	V.07.01.02	6	6.10			01/03/2020	V.07.01.02	7	6.44			01/03/2023	4	0.340	2,026,400	
77	Ngô Phương	Thủy		1991	Thạc sĩ	V.07.01.03	2	2.67			01/03/2020	V.07.01.03	3	3.00			01/03/2023	4	0.330	1,966,800	
78	Hoàng Lan	Phượng		1984	Thạc sĩ	V.07.01.03	2	2.67			03/02/2020	V.07.01.03	3	3.00			03/02/2023	5	0.330	2,458,500	
79	Nguyễn Vũ	Sơn	1989		Tiến sĩ	V.07.01.03	2	2.67			01/01/2018	V.07.01.03	3	3.00			01/01/2023	6	0.330	2,950,200	Kéo dài 24 tháng
80	Phạm Thị Bích	Phương		1989	Thạc sĩ	V.07.01.03	3	3.00			01/01/2020	V.07.01.03	4	3.33			01/01/2023	6	0.330	2,950,200	
81	Hoàng Quốc	Việt	1989		Thạc sĩ	V.07.01.03	3	3.00			01/01/2020	V.07.01.03	4	3.33			01/01/2023	6	0.330	2,950,200	
82	Vũ Thanh	Biển	1990		Thạc sĩ	V.07.01.03	3	3.00			01/01/2020	V.07.01.03	4	3.33			01/01/2023	6	0.330	2,950,200	
83	Đào Thị Thùy	Linh		1986	Tiến sĩ	V.07.01.03	3	3.00			01/12/2017	V.07.01.03	3	3.33			01/05/2023	2	0.330	983,400	Kéo dài 29 tháng
84	Nguyễn Thị Hạnh	Nguyên		1989	Thạc sĩ	V.07.01.03	3	3.00			01/01/2020	V.07.01.03	4	3.33			01/01/2023	6	0.330	2,950,200	
85	Nguyễn Thị Thu	Trang		1987	Thạc sĩ	V.07.01.03	3	3.00			01/02/2020	V.07.01.03	4	3.33			01/02/2023	5	0.330	2,458,500	
86	Nguyễn Mạnh	Hiếu	1990		Thạc sĩ	V.07.01.03	3	3.00			01/01/2020	V.07.01.03	4	3.33			01/01/2023	6	0.330	2,950,200	
87	Vũ Khắc	Xuân	1990		Thạc sĩ	V.07.01.03	3	3.00			01/01/2020	V.07.01.03	4	3.33			01/01/2023	6	0.330	2,950,200	
88	Nguyễn Anh	Đức	1989		Tiến sĩ	V.07.01.03	3	3.00			01/01/2020	V.07.01.03	4	3.33			01/01/2023	6	0.330	2,950,200	
89	Hà Thị	Yến		1981	Thạc sĩ	V.07.01.03	3	3.00			01/01/2020	V.07.01.03	4	3.33			01/01/2023	6	0.330	2,950,200	
90	Đỗ Ngọc	Bích		1990	Thạc sĩ	V.07.01.03	3	3.00			01/01/2020	V.07.01.03	4	3.33			01/01/2023	6	0.330	2,950,200	
91	Nguyễn Thị Thúy	Lan		1989	Thạc sĩ	V.07.01.03	3	3.00			01/01/2020	V.07.01.03	4	3.33			01/01/2023	6	0.330	2,950,200	
92	Trần Thu	Trang		1987	Thạc sĩ	V.07.01.03	3	3.00			01/01/2020	V.07.01.03	4	3.33			01/01/2023	6	0.330	2,950,200	
93	Trần Thị	Hải		1987	Thạc sĩ	V.07.01.03	3	3.00			01/01/2020	V.07.01.03	4	3.33			01/01/2023	6	0.330	2,950,200	
94	Cam Thị Thu	Hà		1988	Thạc sĩ	V.07.01.03	3	3.00			01/01/2020	V.07.01.03	4	3.33			01/01/2023	6	0.330	2,950,200	

STT	Họ đệm	Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc						Kết quả nâng bậc lương đợt 1 năm 2023						Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/ chức danh	Bậc trong ngạch/ chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/ chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau				
95	Nguyễn Anh	Tuấn	1989		Thạc sĩ	V.07.01.03	3	3.00			01/01/2020	V.07.01.03	4	3.33			01/01/2023	6	0.330	2,950,200	
96	Phạm Quốc	Đạt	1988		Thạc sĩ	V.07.01.03	3	3.00			01/01/2020	V.07.01.03	4	3.33			01/01/2023	6	0.330	2,950,200	
97	Phan Thị Hồng	Nhung		1987	Tiến sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/03/2020	V.07.01.03	5	3.66			01/03/2023	4	0.330	1,966,800	
98	Nguyễn Anh	Đức	1984		Thạc sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/08/2019	V.07.01.03	5	3.66			01/02/2023	5	0.330	2,458,500	Kéo dài 06 tháng
99	Dương Huyền	Trang		1983	Tiến sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/07/2019	V.07.01.03	5	3.66			01/03/2023	4	0.330	1,966,800	Kéo dài 08 tháng
100	Nguyễn Ngọc	Bằng	1987		Tiến sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/03/2020	V.07.01.03	5	3.66			01/03/2023	4	0.330	1,966,800	
101	Vũ Thị	Thu		1987	Tiến sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/03/2020	V.07.01.03	5	3.66			01/03/2023	4	0.330	1,966,800	
102	Nguyễn Khắc Việt	Ba	1987		Thạc sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/03/2020	V.07.01.03	5	3.66			01/03/2023	4	0.330	1,966,800	
103	Ngô Thị	Thương		1986	Thạc sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/04/2020	V.07.01.03	5	3.66			01/04/2023	3	0.330	1,475,100	
104	Trần Như	Khánh	1983		Tiến sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/03/2020	V.07.01.03	5	3.66			01/03/2023	4	0.330	1,966,800	
105	Thái Thị	Nhung		1986	Thạc sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/03/2020	V.07.01.03	5	3.66			01/03/2023	4	0.330	1,966,800	
106	Trần Thế	Cường	1987		Thạc sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/03/2020	V.07.01.03	5	3.66			01/03/2023	4	0.330	1,966,800	
107	Bùi Thị Hải	Yến		1985	Thạc sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/03/2020	V.07.01.03	5	3.66			01/03/2023	4	0.330	1,966,800	
108	Dương Thị	Thúy		1988	Thạc sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/02/2020	V.07.01.03	5	3.66			01/02/2023	5	0.330	2,458,500	
109	Nguyễn Thị	Hạnh		1983	Tiến sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/01/2020	V.07.01.03	5	3.66			01/01/2023	6	0.330	2,950,200	
110	Vũ Quỳnh	Hương		1987	Tiến sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/03/2020	V.07.01.03	5	3.66			01/03/2023	4	0.330	1,966,800	
111	Nguyễn Thị	Hằng		1985	Thạc sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/03/2020	V.07.01.03	5	3.66			01/03/2023	4	0.330	1,966,800	
112	Đỗ Thị	Nhâm		1987	Thạc sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/02/2020	V.07.01.03	5	3.66			01/02/2023	5	0.330	2,458,500	
113	Nguyễn Hữu	Hải	1987		Thạc sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/05/2020	V.07.01.03	5	3.66			01/05/2023	2	0.330	983,400	
114	Nguyễn Thị	Lan		1986	Thạc sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/03/2020	V.07.01.03	5	3.66			01/03/2023	4	0.330	1,966,800	

STT	Họ đệm	Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc						Kết quả nâng bậc lương đợt 1 năm 2023						Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/ chức danh	Bậc trong ngạch/ chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/ chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau				
115	Đào Thị Hoàng	Anh		1988	Thạc sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/02/2020	V.07.01.03	5	3.66			01/02/2023	5	0.330	2,458,500	
116	Đỗ Thị Mỹ	Hạnh		1987	Thạc sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/03/2020	V.07.01.03	5	3.66			01/03/2023	4	0.330	1,966,800	
117	Đoàn Thanh	Loan		1978	Tiến sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/01/2020	V.07.01.03	5	3.66			01/01/2023	6	0.330	2,950,200	
118	Phí Thị Cẩm	Miện		1984	Tiến sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/03/2020	V.07.01.03	5	3.66			01/03/2023	4	0.330	1,966,800	
119	Dương Thị Thu	Hằng		1983	Tiến sĩ	V.07.01.03	5	3.66			01/04/2020	V.07.01.03	6	3.99			01/04/2023	3	0.330	1,475,100	
120	Đặng Ngọc	Danh	1982		Tiến sĩ	V.07.01.03	5	3.66			01/04/2020	V.07.01.03	6	3.99			01/04/2023	3	0.330	1,475,100	
121	Vũ Thị Thu	Giang		1985	Tiến sĩ	V.07.01.03	5	3.66			01/01/2020	V.07.01.03	6	3.99			01/01/2023	6	0.330	2,950,200	
122	Trịnh Thị Thu	Thủy		1983	Thạc sĩ	V.07.01.03	5	3.66			01/03/2020	V.07.01.03	6	3.99			01/03/2023	4	0.330	1,966,800	
123	Nguyễn Thị Thanh	Hòa		1979	Thạc sĩ	V.07.01.03	6	3.99			01/03/2020	V.07.01.03	7	4.32			01/03/2023	4	0.330	1,966,800	
124	Lê Thị	Xuân		1981	Thạc sĩ	V.07.01.03	6	3.99			01/09/2019	V.07.01.03	7	4.32			01/03/2023	4	0.330	1,966,800	Kéo dài 06 tháng
125	Nguyễn Hữu	Cường	1976		Thạc sĩ	V.07.01.03	7	4.32			01/05/2020	V.07.01.03	8	4.65			01/05/2023	2	0.330	983,400	
126	Nguyễn Tuấn	Anh	1978		Thạc sĩ	V.07.01.03	7	4.32			01/05/2020	V.07.01.03	8	4.65			01/05/2023	2	0.330	983,400	
127	Đào Công	Duẩn	1975		Thạc sĩ	V.07.01.03	7	4.32			01/06/2020	V.07.01.03	8	4.65			01/06/2023	1	0.330	491,700	
128	Vũ Văn	Cường	1972		Đại học	V.08.01.03	8	4.65			01/05/2020	V.08.01.03	9	4.98			01/05/2023	2	0.330	983,400	
129	Lê Thị Nhị	Hà		1970	Đại học	V.08.04.10	7	4.32			01/03/2020	V.08.04.10	8	4.65			01/03/2023	4	0.330	1,966,800	
130	Nguyễn Thị Như	Hoa		1975	Cao đẳng	V.08.08.23	10	3.66			01/01/2021	V.08.08.23	11	3.86			01/01/2023	6	0.200	1,788,000	
131	Lê Thị	Huệ		1986	Đại học	V.10.02.06	4	3.33			01/02/2020	V.10.02.06	5	3.66			01/02/2023	5	0.330	2,458,500	
II	**Viên chức và người lao động được tính hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung**																				
132	Phạm Chí	Chung	1965		Đại học	01.003	9	4.98	5%		01/02/2022	01.003	9	4.98	6%		01/02/2023	5	0.050	371,010	
133	Bùi Trung	Sơn	1964		Trung cấp	01.004	12	4.06	14%		01/03/2022	01.004	12	4.06	15%		01/03/2023	4	0.041	241,976	

STT	Họ đệm	Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc						Kết quả nâng bậc lương đợt 1 năm 2023						Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/ chức danh	Bậc trong ngạch/ chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/ chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau				
134	Dương Ngọc	Anh	1970		Đại học	01.010	12	4.03	8%		01/03/2022	01.010	12	4.03	9%		01/03/2023	4	0.040	240,188	
135	Nguyễn Thị	Thủy		1973	Đại học	13.095	9	4.98	5%		01/04/2022	13.095	9	4.98	6%		01/04/2023	3	0.050	222,606	
136	Phan Văn	Điệp	1963		Đại học	13.095	9	4.98			01/01/2020	13.095	10	4.98	5%		01/01/2023	6	0.249	2,226,060	
137	Nguyễn Thế	Toàn	1976		Đại học	13.095	9	4.98			01/01/2020	13.095	10	4.98	5%		01/01/2023	6	0.249	2,226,060	
138	Dương Văn	Sáng	1964		Trung cấp	V.05.02.08	12	4.06	15%		01/01/2022	V.05.02.08	12	4.06	16%		01/01/2023	6	0.041	362,964	
139	Đỗ Kim	Chung	1956		Tiến sĩ	V.07.01.01	6	8.00			01/04/2020	V.07.01.01	7	8.00	5%		01/04/2023	3	0.400	1,788,000	
140	Nguyễn Hữu	Đức	1966		Tiến sĩ	V.07.01.03	9	4.98	10%		01/06/2022	V.07.01.03	9	4.98	11%		01/06/2023	1	0.050	74,202	

Trong danh sách này có: **140** người

- Nâng bậc lương thường xuyên: **131** người
- Tính hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung: **9** người